

Câu 1: Ưu điểm của CSDL là: [1]. Giảm sự trùng lặp thông tin xuống mức thấp nhất, do đó bảo đảm được tính nhất quán và toàn vẹn dữ liệu. [2]. Dữ liệu có thể được truy xuất theo nhiều cách khác nhau. [3]. Khả năng chia sẻ thông tin cho nhiều người sử dụng và nhiều ứng dụng khác nhau.	Đáp án đúng: [1], [2] và [3]
Câu 2: Cơ sở dữ liệu là một hệ thống “...” được lưu trữ trên máy tính và các thiết bị lưu trữ thứ cấp (băng từ, đĩa từ) nhằm thoả mãn yêu cầu khai thác thông tin đồng thời của nhiều người sử dụng hay nhiều chương trình ứng dụng với nhiều mục đích khác nhau. Hãy cho biết “...” được thay thế bằng cụm từ nào sau đây?	Đáp án đúng: các thông tin có cấu trúc
Câu 3: Các thuộc tính khóa là	Đáp án đúng: các phần tử của tập hợp khóa.
Câu 4: Phát biểu nào sau đây đúng với mô hình quan niệm trong quá trình thiết kế CSDL?	Đáp án đúng: Mô hình quan niệm được thiết kế ở mức quan niệm và độc lập với hệ quản trị.
Câu 5: Hãy cho biết phát biểu nào sau đây SAI với thuộc tính?	Đáp án đúng: Thuộc tính là sự liên kết giữa hai hay nhiều tập thực thể.
Câu 6: Mô hình dữ liệu quan hệ được đề xuất bởi E.F.Codd vào năm nào?	Đáp án đúng: 1970
Câu 7: Chọn phát biểu SAI trong các phát biểu sau đây?	Đáp án đúng: Trong một bảng có thể có nhiều khóa chính.
Câu 8: Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau đây?	Đáp án đúng: Một bảng chỉ có một khóa chính và mỗi khóa chính có thể có nhiều thuộc tính.
Câu 9: Bước nào sau đây KHÔNG nằm trong các bước xây dựng cơ sở dữ liệu?	Đáp án đúng: Ký hợp đồng.
Câu 10: Mô hình CSDL phân cấp là mô hình	Đáp án đúng: dữ liệu được biểu diễn bằng cấu trúc cây.
Câu 11: Hãy cho biết phát biểu nào sau đây SAI với lược đồ ER?	Đáp án đúng: Lược đồ ER được dùng để thiết kế CSDL ở mức vật lý.

Câu 12: Trong mô hình ER, bản số cho biết mối quan hệ của một tập thực thể đối với một mối kết hợp. Hãy cho biết cặp bản số nào sau đây KHÔNG đúng với mô hình ER?	Đáp án đúng: (n,1)
Câu 13: Mô hình quan niệm là	Đáp án đúng: cách nhìn dữ liệu một cách tổng quát của người sử dụng.
Câu 14: Chọn phát biểu SAI trong các phát biểu sau?	Đáp án đúng: Chọn khóa chính chỉ gồm một thuộc tính.
Câu 15: Trong các bước chuyển đổi cấu trúc từ thực thể kết hợp sang quan hệ dữ liệu. Tại bước chuyển các mối kết hợp thành quan hệ. Với mỗi quan hệ “n – n”:	Đáp án đúng: Chuyển thành một quan hệ mới và lấy các thuộc tính khóa chính của các loại thực thể tham gia vào mối kết hợp để làm khóa chính.
Câu 16: Trong các bước chuyển đổi cấu trúc từ thực thể kết hợp sang quan hệ dữ liệu. Tại bước chuyển các mối kết hợp thành quan hệ. Với mỗi quan hệ “1 – 1”:	Đáp án đúng: Thêm thuộc tính khóa từ quan hệ bất kỳ trong mối kết hợp sang quan hệ còn lại.
Câu 17: Người sử dụng có thể truy nhập:	Đáp án đúng: Phụ thuộc vào quyền truy nhập cơ sở dữ liệu.
Câu 18: Trong mô hình thực thể - quan hệ cơ bản bao gồm các lớp đối tượng:	Đáp án đúng: Thực thể, mối quan hệ và thuộc tính.
Câu 19: Thuộc tính là một tính chất riêng biệt của một đối tượng. Thuộc tính được đặc trưng bởi các yếu tố: [1]. Tên thuộc tính [2]. Kiểu dữ liệu [3]. Miền giá trị [4]. Mối quan hệ	Đáp án đúng: [1], [2], và [3]
Câu 20: Hãy chọn phát biểu SAI cho lược đồ quan hệ?	Đáp án đúng: Lược đồ quan hệ mô tả tình trạng của quan hệ và là tập hợp các bộ giá trị của quan hệ ở thời điểm nhất định.
Câu 21: Các mức biểu diễn một CSDL gồm: [1]. Mức ngoài (còn gọi là mô hình ngoài). [2]. Mức quan niệm (còn gọi là mô hình quan niệm hay mô hình dữ liệu). [3]. Mức trong (còn gọi là mô hình vật lý).	Đáp án đúng: [1], [2] và [3]

Câu 22: Trong các phần mềm sau đây, phần mềm nào KHÔNG phải là hệ quản trị cơ sở dữ liệu?	Đáp án đúng: Microsoft Excel.
Câu 23: Phát biểu nào sau đây SAI trong vấn đề chọn khóa của quan hệ?	Đáp án đúng: Trong một bảng có thể có nhiều khóa chính.
Câu 24: Một quan hệ trong cơ sở dữ liệu quan hệ có đặc trưng:	Đáp án đúng: Thứ tự của các thuộc tính là không quan trọng.
Câu 25: DBMS viết tắt của cụm từ nào?	Đáp án đúng: Database Management System
Câu 26: Đặc trưng cấu trúc của mô hình mạng là	Đáp án đúng: chứa các liên kết một-một, một-nhiều và nhiều-một.
Câu 27: Trong mô hình ER, thực thể là	Đáp án đúng: các đối tượng.
Câu 28: Trong các bước chuyển đổi cấu trúc từ thực thể kết hợp sang quan hệ dữ liệu. Tại bước chuyển các mối kết hợp thành quan hệ. Với mỗi quan hệ "1 - n":	Đáp án đúng: Thêm các thuộc tính khóa chính ở vé quan hệ nhiều vào vé quan hệ ít.
Câu 29: Thứ tự đúng các mức trong mô hình kiến trúc cơ sở dữ liệu là:	Đáp án đúng: Mức ngoài, mức quan niệm và mức trong.
Câu 30: Mô hình thực thể kết hợp do Peter Pin Shan Chen đề xuất vào năm nào?	Đáp án đúng: 1976
Câu 31: Cho 2 quan hệ R và S khả hợp. Phép hợp của R và S được ký hiệu là $R \cup S$. Hãy cho biết kết quả trả về của phép hợp được biểu diễn bằng biểu thức nào sau đây (t là các bộ dữ liệu)?	Đáp án đúng: $R \cup S = \{t / t \in R \vee t \in S\}$
Câu 32: Cho 2 quan hệ R và S như sau: $R \bowtie A B \alpha 1$ $\alpha 2 \beta 1 S \bowtie A B \alpha 2 \beta 3$ Hãy cho biết kết quả của biểu thức $R \cap S$?	Đáp án đúng: $R \cap S$ $A B \alpha 2$

Câu 33: Cho 2 quan hệ R và S khả hợp. Phép trừ của R và S được ký hiệu là $R - S$. Hãy cho biết kết quả trả về của phép trừ được biểu diễn bằng biểu thức nào sau đây (t là các bộ dữ liệu)?	Đáp án đúng: $R - S = \{t / t \in R \wedge t \notin S\}$
Câu 34: Cho 2 quan hệ R và S khả hợp. Trong phép toán tập hợp, hãy cho biết biểu thức nào sau đây KHÔNG đúng?	Đáp án đúng: $R - S = S - R$
Câu 35: Cho 2 quan hệ R và S như sau: R A B α 15 α 22 α 23 β 15 β 18 γ 23 S B 15 23 Hãy cho biết kết quả của biểu thức $R \div S$?	Đáp án đúng: $R \div S \text{ A } \alpha$
Câu 36: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 15 1 α 22 0 α 23 1 β 15 1 β 18 0 γ 23 0 Hãy chọn biểu thức để có được kết quả như hình bên dưới R A C α 1 α 0 β 1 β 0 γ 0	Đáp án đúng: $\pi_{A,C}(R)$
Câu 37: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 15 1 α 22 0 α 23 1 β 15 1 β 18 0 γ 23 0 Hãy chọn biểu thức để có được kết quả như hình bên dưới R A B α 15 α 22 α 23 β 18 γ 23	Đáp án đúng: $\pi_{A,B}(\sigma_{A=' \alpha ' \vee B \geq 18}(R))$
Câu 38: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 15 1 α 22 0 α 23 1 β 15 1 β 18 0 γ 23 0 Hãy chọn kết quả cho biểu thức bên dưới $\pi_{A,B}(\sigma_{A=' \alpha ' }(\sigma_{B \geq 18}(R)))$	Đáp án đúng: R A B α 22 α 23
Câu 39: Cho lược đồ quan hệ NHANVIEN (MaNV, HoTen, NgSinh, DiaChi, Phai, Luong, Phong) Viết biểu thức ĐSQH cho câu truy vấn: “Hãy cho biết mã nhân viên, họ tên và lương của nhân viên làm việc trong phòng số 4?”	Đáp án đúng: $\pi_{MaNV, HoTen, Luong}(\sigma_{Phong = 4}(NHANVIEN))$
Câu 40: Cho 2 quan hệ R và S, tích của R và S ký hiệu là $Q = R \times S$. Kết quả trả về là một quan hệ Q gồm: [1]. Nếu R có u bộ và S có v bộ thì Q sẽ có (u × v) bộ. [2]. Nếu R có n thuộc tính và S có m thuộc tính thì Q sẽ có (n + m) thuộc tính. [3]. Nếu R có u bộ và S có v bộ thì Q sẽ có (u + v) bộ. [4]. Nếu R có n thuộc tính và S có m thuộc tính thì Q sẽ có (n × m) thuộc tính.	Đáp án đúng: [1] và [2]

Câu 41: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 15 1 α 22 0 α 23 1 β 15 1 β 22 0 γ 23 0 Hãy cho biết kết quả trả về của biểu thức: $\pi_{A,C}(\sigma_{C=0}(R))$	Đáp án đúng: A C α 0 β 0 γ 0
Câu 42: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 15 1 α 22 0 α 23 1 β 15 1 β 22 0 γ 23 0 Hãy cho biết kết quả trả về của biểu thức $\pi_{A,C}(R) \div \pi_C(R)$	Đáp án đúng: A α β
Câu 43: Cho 2 quan hệ R và S như sau: R A B C a1 1 1 a2 2 1 a3 2 2 S C D E 1 d1 e1 2 d2 e2 3 d3 e3 Hãy chọn kết quả cho biểu thức bên dưới $\pi_{A,B,D,E}(\sigma_{R.C=S.C}(R \times S))$	Đáp án đúng: A B D E a1 1 d1 e1 a2 2 d1 e1 a3 2 d2 e2
Câu 44: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 2 7 α 4 7 β 2 3 γ 2 10 Hãy chọn biểu thức để có được kết quả như sau: R A Sum(C) α 14 β 3 γ 10	Đáp án đúng: A θ SUM(C) (R)
Câu 45: Cho quan hệ R như sau: R A B C α d1 7 α d2 5 α d2 3 β d1 3 β d2 9 γ e1 10 γ d1 3 Hãy chọn kết quả cho biểu thức bên dưới $\pi_{A,C}(\sigma_{(A='α' \vee A='γ') \wedge C \geq 5}(R))$	Đáp án đúng: R A C α 7 α 5 γ 10
Câu 46: Cho CSDL về thực hiện đề tài của sinh viên gồm 3 quan hệ - SINHVIEN(Masv , HoTen, NamSinh, QueQuan, HocLuc) - DETAI(MaDT , TenDT, KinhPhi, ChuNhiem) - THUCHIEN(MaSV, MaDT , NoiTH, Diem) Viết câu truy vấn bằng biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết danh sách (mã số) các sinh viên thực hiện nhiều hơn 3 đề tài?”.	Đáp án đúng: $R_1(MaSV,SL) \leftarrow MaSV \bowtie_{COUNT(MaDT)}(THUCHIEN)$ $KQ \leftarrow \sigma_{SL > 3}(R_1)$
Câu 47: Cho CSDL về thực hiện đề tài của sinh viên gồm 3 quan hệ - SINHVIEN(Masv , HoTen, NamSinh, QueQuan, HocLuc) - DETAI(MaDT , TenDT, KinhPhi, ChuNhiem) - THUCHIEN(MaSV, MaDT , NoiTH, Diem) Viết câu truy vấn bằng biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết họ tên những sinh viên đã thực hiện đề tài tại quê nhà?”.	Đáp án đúng: $R1 \leftarrow SINHVIEN \bowtie THUCHIEN$ $KQ \leftarrow \Pi_{HoTen}(\sigma_{NoiTH='QueQuan'}(R_1))$

Câu 48: Cho CSDL về thực hiện đề tài của sinh viên gồm 3 quan hệ - SINHVIEN(Masv , HoTen, NamSinh, QueQuan, HocLuc) - DETAI(MaDT , TenDT, KinhPhi, ChuNhiem) - THUCHIEN(MaSV, MaDT , NoiTH, Diem) Viết câu truy vấn bằng biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết tổng kinh phí của các đề tài được áp dụng theo từng nơi? ”.	Đáp án đúng: $\text{NoiTH} \bowtie_{\text{SUM}(\text{KinhPhi})} (\text{DETAI} \bowtie \text{THUCHIEN})$
Câu 49: Cho 2 quan hệ - SinhVien(MaSV , HoTen, GioiTinh, NgaySinh, NoiSinh, MaLop) - KetQuaThi(MaSV, MaMH, LanThi , DiemThi) Viết biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết những sinh viên chưa hề thi bất cứ môn học nào?”	Đáp án đúng: $\Pi \text{MaSV} (\text{SinhVien}) - \Pi \text{MaSV} (\text{KetQuaThi})$
Câu 50: Cho 2 quan hệ - SinhVien(MaSV , HoTen, GioiTinh, NgaySinh, NoiSinh, MaLop) - Lop(MaLop , MaKH, TenLop) Viết biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Cho biết số lượng sinh viên ‘nam’ của từng lớp?”.	Đáp án đúng: $R_1 \rightarrow \sigma \text{GioiTinh} = \text{'nam'} (\text{SinhVien}) \text{ KQ} \rightarrow \text{MaLop} \theta \text{COUNT}(\text{MaSV}) (R_1)$
Câu 51: Cho 2 quan hệ - NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, Phai, Luong, PHG, NGSinh) - PHANCONG (MaNV, MaDA , ThoiGian) Hãy viết biểu thức đại số quan hệ cho câu truy vấn: “Cho biết những nhân viên chưa hề tham gia bất kỳ đề án nào?”.	Đáp án đúng: $\Pi \text{MaNV} (\text{NHANVIEN}) - \Pi \text{MaNV} (\text{PHANCONG})$
Câu 52: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 2 7 α 4 7 α 5 10 β 2 3 γ 2 10 Thực hiện các biểu thức sau: Bước 1: $S(C_{\text{max}}) \leftarrow \vartheta_{\text{MAX}(C)}(R)$ Bước 2: $KQ \leftarrow \pi_A (R \bowtie_{C=C_{\text{max}}} S)$ Hãy cho biết kết quả trả về của S khi thực hiện bước 1?	Đáp án đúng: $S \text{ C_max } 10$
Câu 53: Cho quan hệ R như sau: R A B C α d1 7 α d2 7 β d2 3 β d1 3 γ e1 10 Thực hiện các biểu thức sau: Bước 1: $S(A, \text{Count_B}) \leftarrow \sigma_{\text{Count}(B)}(R)$ Bước 2: $KQ \leftarrow \sigma_{\text{Count_B} \geq 2}(S)$ Hãy cho biết kết quả của S sau khi thực hiện biểu thức ở bước 1?	Đáp án đúng: $S \text{ A Count_B } \alpha 2 \beta 2 \gamma 1$

Câu 54: Cho quan hệ R như sau: R A B C α d1 7 α d2 7 β d2 3 β d1 3 γ e1 10 Thực hiện các biểu thức sau: Bước 1: $S(A, Count_B) \leftarrow \sigma_{Count(B)}(R)$ Bước 2: $KQ \leftarrow \sigma_{Count_B \geq 2}(S)$ Hãy cho biết kết quả của KQ sau khi thực hiện biểu thức ở bước 2?	Đáp án đúng: KQ A Count_B α 2 β 2
Câu 55: Cho 3 quan hệ - NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, Phai, Luong, PHG, NGSinh) - PHANCONG (MaNV, MaDA , ThoiGian) - PHONGBAN (MaPHG , TenPHG, TrPHG, NG_NhanChuc) Viết câu truy vấn bằng biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết số lượng nhân viên trong từng phòng ban?”.	Đáp án đúng: PHG θ COUNT(MANV) (NHANVIEN)
Câu 56: Cho 3 quan hệ - NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, Phai, Luong, PHG, NGSinh) - PHANCONG (MaNV, MaDA , ThoiGian) - DEAN (MaDA , TenDA, DDIEM_DA, Phong) Viết câu truy vấn bằng biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết họ tên của những nhân viên được phân công tham gia đề án có tên là ‘Công trình số 1’?”.	Đáp án đúng: R 1 β TenDA = ‘Công trình số 1’ (DEAN) R 2 β NHANVIEN $\bowtie$ PHANCONG $\bowtie$ R 1 KQ β HoTenNV (R 2)
Câu 57: Trong biểu thức đại số quan hệ, biến là	Đáp án đúng: các quan hệ.
Câu 58: Cho 2 quan hệ R và S như sau: R A B α 15 α 22 β 18 S A B α 15 β 31 Hãy cho biết kết quả của biểu thức sau $\prod_B(R \cup S)$?	Đáp án đúng: B 15 22 18 31
Câu 59: Cho 2 quan hệ R(X) và S(Y). Kết quả phép chia $R \div S$ là một quan hệ mới T(Z). Hãy cho biết phát biểu nào sau đây KHÔNG đúng khi thực hiện phép tính này?	Đáp án đúng: Tập thuộc tính Z của quan hệ T có được từ tập thuộc tính X của quan hệ R cộng cho tập thuộc tính Y trong quan hệ S.
Câu 60: Cho 2 quan hệ R và S như sau: R A B α 1 β 2 S B C D α 10 + β 10 + β 20 - γ 10 - Hãy chọn kết quả cho biểu thức bên dưới $\sigma_{A=S.B}(R \times S)$	Đáp án đúng: A R.B S.B C D α 1 α 10 + β 2 β 20 - β 2 β 10 +

Câu 61: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 15 1 α 22 0 α 23 1 β 15 1 β 22 0 γ 23 0 Hãy chọn kết quả cho biểu thức bên dưới $\pi_{A,B}(R) \div \pi_B(R)$	Đáp án đúng: A α
Câu 62: Cho 2 quan hệ R và S như sau: R A B C a1 1 1 a2 2 1 a3 2 2 S C D E 1 d1 e1 2 d2 e2 3 d3 e3 Hãy chọn kết quả cho biểu thức bên dưới $R.B > S.C$ $R \bowtie S$	Đáp án đúng: A B R.C S.C D E a2 2 1 1 d1 e1 a3 2 2 1 d1 e1
Câu 63: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 15 1 α 22 0 α 23 1 β 15 1 β 22 0 γ 23 0 Hãy cho biết kết quả trả về của biểu thức $R_1 \leftarrow \Pi_{A,C}(R)$ $R_2 \leftarrow \Pi_C(R)$ $KQ \leftarrow R_1 \div R_2$	Đáp án đúng: KQ A α β
Câu 64: Cho quan hệ R như sau: R A B C α d1 7 α d2 7 β d2 3 β d1 3 γ e1 10 Hãy chọn biểu thức để có được kết quả như sau: R A Count(B) α 2 β 2 γ 1	Đáp án đúng: A θ COUNT(B) (R)
Câu 65: Cho CSDL về thực hiện đề tài của sinh viên gồm 3 quan hệ - SINHVIEN(Masv , HoTen, NamSinh, QueQuan, HocLuc) - DETAI(MaDT , TenDT, KinhPhi, ChuNhiem) - THUCHIEN(MaSV, MaDT , NoiTH, Diem) Viết câu truy vấn bằng biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết kinh phí lớn nhất của các đề tài được thực hiện?”.	Đáp án đúng: $\sigma_{\text{Max}(\text{KinhPhi})}(\text{DETAI} \bowtie \text{THUCHIEN})$
Câu 66: Cho 3 quan hệ - NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, Phai, Luong, PHG, NGSinh) - PHANCONG (MaNV, MaDA , ThoiGian) - NV_TN (MaNV, MaTN , QuanHe) Hãy viết biểu thức đại số quan hệ cho câu truy vấn: “Cho biết những nhân viên có tham gia đề án và có thân nhân?”.	Đáp án đúng: $\Pi_{\text{MaNV}}(\text{NV_TN}) \cap \Pi_{\text{MaNV}}(\text{PHANCONG})$

Câu 67: Cho 2 quan hệ - PHANCONG (MaNV, MaDA , ThoiGian) - DEAN (MaDA , TenDA, DDIEM_DA, Phong) Hãy viết biểu thức đại số quan hệ cho câu truy vấn: “Cho biết những nhân viên tham gia tất cả các đề án trong danh sách các đề án?”.	Đáp án đúng: $\Pi_{MaNV, MaDA} (PHANCONG) \div \Pi_{MaDA} (DEAN)$
Câu 68: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 2 7 α 4 7 α 5 10 β 2 3 γ 2 10 Thực hiện các biểu thức sau: Bước 1: $S(C_max) \leftarrow \mathcal{G}_{MAX(C)}(R)$ Bước 2: $KQ \leftarrow \pi_A (R \bowtie_{C=C_max} S)$ Hãy cho biết kết quả trả về của KQ sau khi thực hiện bước 2?	Đáp án đúng: $KQ \ A \ \alpha \ \gamma$
Câu 69: Cho 2 quan hệ - SinhVien(MaSV , HoTen, GioiTinh, NgaySinh, NoiSinh, MaLop) - Lop (MaLop , MaKH, TenLop) Viết biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Cho biết mã lớp, tên lớp có số sinh viên nhiều nhất so với tất cả các lớp?”.	Đáp án đúng: $R_1(MaLop, SL) \leftarrow MaLop \mathcal{G}_{Count(MaSV)}(SinhVien)$ $R_2(SL_Max) \leftarrow \mathcal{G}_{Max(SL)}(R_1)$ $R_3 \leftarrow R_1 \bowtie_{SL=SL_Max} R_2$ $KQ \leftarrow \Pi_{MaLop, TenLop} (R_3 \bowtie LOP)$
Câu 70: Cho quan hệ NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, Phai, Luong, PHG, NGSinh) Viết câu truy vấn bằng biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết họ tên những nhân viên có mức lương cao hơn mức lương của các nhân viên ở phòng ‘NC’?”.	Đáp án đúng: $R \ 1 \ \beta \sigma_{PHG = 'NC'} (NHANVIEN) \ R \ 2 \ (Luong-Max) \ \beta \mathcal{J} \ MAX(Luong) \ (R \ 1) \ KQ \beta \Pi \ HoTenNV \ (NHANVIEN \ \bowtie \ R \ 2)$
Câu 71: Trong các tính chất sau: [1] F là tập phụ thuộc hàm có thuộc tính về trái không dư thừa. [2] F là tập phụ thuộc hàm có về phải một thuộc tính. [3] F là tập phụ thuộc hàm không dư thừa. [4] F là tập phụ thuộc hàm có về phải hai thuộc tính. F được gọi là phủ tối thiểu của tập phụ thuộc hàm nếu thỏa các tính chất	Đáp án đúng: [1], [2] và [3]
Câu 72: Đối với phân loại ràng buộc toàn vẹn thuộc về miền giá trị, thì thao tác nào sau đây KHÔNG gây ra vi phạm?	Đáp án đúng: Xóa.
Câu 73: Cho lược đồ quan hệ R(A, B, C, D, E) và tập phụ thuộc hàm F={A→BC, A→D, CD→E} Phủ tối thiểu của phụ thuộc hàm F là?	Đáp án đúng: {A→B, A→C, A→D, CD→E}

Câu 74: Cho lược đồ quan hệ $R(A, B, C, D, E)$ và tập PTH $F = \{A \rightarrow BE, BC \rightarrow D, C \rightarrow D\}$. Phủ tối thiểu của phụ thuộc hàm F là	Đáp án đúng: $\{A \rightarrow B, C \rightarrow D, A \rightarrow E\}$
Câu 75: Cho lược đồ quan hệ $Q(A, B, C, D, E, G)$ và tập phụ thuộc hàm: $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow A, BC \rightarrow D, ACD \rightarrow B, D \rightarrow EG, BE \rightarrow C, CG \rightarrow BD, CE \rightarrow AG\}$. Cho $X = \{AB\}$, tìm bao đóng của X?	Đáp án đúng: $\{ABCDEG\}$
Câu 76: Cho lược đồ quan hệ $Q(A, B, C, D, E, G, H)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{B \rightarrow A; DA \rightarrow CE; D \rightarrow H; GH \rightarrow C; AC \rightarrow D\}$. Bao đóng của tập thuộc tính $\{AC\}$ là?	Đáp án đúng: $\{ACDEH\}$
Câu 77: Cho lược đồ quan hệ $Q(A, B, C, D, E, G)$ và tập phụ thuộc hàm: $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow A, BC \rightarrow D, ACD \rightarrow B, D \rightarrow EG, BE \rightarrow C, CG \rightarrow BD, CE \rightarrow AG\}$. Cho $X = \{BD\}$, tìm bao đóng của X?	Đáp án đúng: $\{ABCDEG\}$
Câu 78: Cho lược đồ quan hệ $R(A, B, C, D, E)$ và tập PTH $F = \{A \rightarrow B, BC \rightarrow D, C \rightarrow D\}$. Phủ tối thiểu của phụ thuộc hàm F là?	Đáp án đúng: $\{A \rightarrow B, C \rightarrow D\}$
Câu 79: Cho quan hệ Kết quả thi như sau: KQTHI(MaSV, MaMH, LanThi, Diem). Với ràng buộc “Mỗi sinh viên chỉ được phép thi tối đa 2 lần”. Các đặc trưng của ràng buộc trên như sau: - Nội dung: $\forall k \in KQTHI : k.LanThi \leq 2$ - Bối cảnh: KQTHI - Bảng tầm ảnh hưởng: Hãy cho biết Bảng tầm ảnh hưởng nào sau đây đúng với ràng buộc toàn vẹn trên?	Đáp án đúng: ràng buộc toàn vẹn Thêm Xóa Sửa KQTHI + - +(LanThi)
Câu 80: Cho các quan hệ sau: [1].DEAN (MADA, TENDA, DDIEM, DA, NGBD, DK, NGKT, DK) [2].NHANVIEN(MANV, HOTE, NV, NGSINH, PHAI, PHONG, MLUONG) [3].PHANCONG(MANV, MADA, TGIAN) Hãy cho biết ràng buộc toàn vẹn nào sau đây thuộc loại ràng buộc toàn vẹn miền giá trị?	Đáp án đúng: Thời gian mà mỗi nhân viên thực hiện một đề án không được vượt quá 35 giờ/tuần.

Câu 81: Xét lược đồ quan hệ DEAN (MaDA , TenDA, DDiem_DA, Phong, NgBD_DK, NgKT_DK) Xét ràng buộc toàn vẹn R2: + Ngôn ngữ tự nhiên: “Với mọi đề án, ngày bắt đầu dự kiến (NGBD_DK) phải nhỏ hơn ngày kết thúc dự kiến (NGKT_DK)” + Ngôn ngữ hình thức: $\forall d \in DEAN.$ sao cho $d[NGBD_DK] \leq d[NGKT_DK]$ Hãy cho biết ràng buộc toàn vẹn trên thuộc loại?	Đáp án đúng: Ràng buộc liên thuộc tính.
Câu 82: Xét lược đồ quan hệ DEAN (MaDA , TenDA, DDiem_DA, Phong, NgBD_DK, NgKT_DK) Xét các đặc trưng của ràng buộc toàn vẹn R3: - Nội dung: + Với mọi đề án, ngày bắt đầu dự kiến (NGBD_DK) phải nhỏ hơn ngày kết thúc dự kiến (NGKT_DK) + $\forall d \in DEAN: d[NGBD_DK] \leq d[NGKT_DK]$ - Bối cảnh: DEAN Hãy cho biết bảng tầm ảnh hưởng nào sau đây đúng với ràng buộc toàn vẹn R3?	Đáp án đúng: R3 Thêm Xóa Sửa DEAN + - +
Câu 83: Xét lược đồ quan hệ: PHONGBAN(MaPB , TenPB, TrPB, NgayNC) - Xét ràng buộc toàn vẹn R4: + Nội dung: • Hai bộ khác nhau sẽ khác nhau tại giá trị khóa • $\forall p1, p2 \in PHONGBAN: p1 \neq p2$ $\Rightarrow p1[MAPHG] \neq p2[MAPHG]$ + Bối cảnh : PHONGBAN Hãy cho biết bảng tầm ảnh hưởng nào sau đây đúng với ràng buộc toàn vẹn trên?	Đáp án đúng: R4 Thêm Xóa Sửa PHONGBAN + - (*)
Câu 84: Xét các lược đồ quan hệ PHONGBAN (MaPB , TenPB, TrPB, NgayNC) NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, NgSinh, Phai, Luong, MaPB) - Xét ràng buộc toàn vẹn R5: + Nội dung : • Mỗi nhân viên chỉ làm việc duy nhất tại một phòng ban và một phòng ban có thể có nhiều nhân viên. • "n ∈ NHANVIEN, \$!p ∈ PHONGBAN: n[MaPB]=P[MaPB] + Bối cảnh: NHANVIEN, PHONGBAN Hãy cho biết bảng tầm ảnh hưởng nào sau đây đúng với ràng buộc toàn vẹn?	Đáp án đúng: R5 Thêm Xóa Sửa PHONGBAN - + -(*) NHANVIEN + - +

Câu 85: Hệ tiên đề Armstrong gồm 3 tính chất của phụ thuộc hàm. Hãy cho biết đó là những tính chất nào sau đây?	Đáp án đúng: Tính phản xạ, tính bắc cầu và tính mở rộng.
Câu 86: Dựa vào 3 tính chất của hệ tiên đề Armstrong [1]. Tính phản xạ: $X \rightarrow X$, hay $Y \subset X$ thì $X \rightarrow Y$ [2]. Tính bắc cầu: $X \rightarrow Y$ và $Y \rightarrow Z \Rightarrow X \rightarrow Z$ [3]. Tính mở rộng 2 vế: $X \rightarrow Y \Rightarrow XZ \rightarrow YZ$ Cho biết tính tích lũy $X \rightarrow Y, Y \rightarrow ZW$ suy ra $X \rightarrow YZW$ được suy ra từ những tính chất nào của Armstrong?	Đáp án đúng: [3] và [2]
Câu 87: Cho lược đồ quan hệ Q(A,B,C,D,E,G,H) và tập phụ thuộc hàm $F = \{B \rightarrow A; DA \rightarrow CE; D \rightarrow H; GH \rightarrow C, C \rightarrow E\}$. Tìm phủ tối thiểu của Q?	Đáp án đúng: $\{AD \rightarrow C, GH \rightarrow C, A \rightarrow B, D \rightarrow H, C \rightarrow E\}$
Câu 88: Cho lược đồ quan hệ Q(A,B,C,D,E,G,H) và tập phụ thuộc hàm $F = \{B \rightarrow A; DA \rightarrow CE; D \rightarrow H; GH \rightarrow C; AC \rightarrow D\}$. Bao đóng của tập thuộc tính {GH} là?	Đáp án đúng: {GHC}
Câu 89: Phát biểu nào sau đây SAI với thuật toán tìm phủ tối thiểu của phụ thuộc hàm?	Đáp án đúng: Phân rã các phụ thuộc hàm có vế trái nhiều thuộc tính thành các phụ thuộc hàm có vế trái một thuộc tính.
Câu 90: CSDL Quản lý hoá đơn bán hàng gồm các bảng sau: HoaDon(MaHD ,SoLoaiMH, TongTien) DM_Hang(MaMH , TenMH, DVT) ChiTietHD(MaHD, MaMH , SLuong, DGia, TTien) Xét ràng buộc toàn vẹn R1 như sau: + Ngôn ngữ tự nhiên: "Mỗi hoá đơn có một mã số hoá đơn (MaHD) riêng biệt không trùng với hoá đơn khác". + Ngôn ngữ hình thức: $\forall hd_1, hd_2 \in HoaDon, hd_1 \neq hd_2 \Rightarrow hd_1.MaHD \neq hd_2.MaHD$ Hãy cho biết ràng buộc toàn vẹn trên thuộc loại?	Đáp án đúng: Ràng buộc liên bộ.

Câu 91: Cho lược đồ quan hệ $R(A, B, C, D, E, G, H)$ và tập PTH $F = \{B \twoheadrightarrow A, D \twoheadrightarrow CE, D \twoheadrightarrow H, G \twoheadrightarrow AC, A \twoheadrightarrow CD\}$. Hãy cho biết tập nguồn của R dựa vào PTH F là?	Đáp án đúng: $\{BG\}$
Câu 92: Cho lược đồ quan hệ $Q(ABCDEH)$ và phụ thuộc hàm $F = \{A \twoheadrightarrow E, C \twoheadrightarrow D, E \twoheadrightarrow DH\}$. Khóa của lược đồ Q là:	Đáp án đúng: $\{ABC\}$
Câu 93: Quan hệ R được gọi là dạng chuẩn 2NF, khi và chỉ khi:	Đáp án đúng: Là 1NF và mọi thuộc tính không khoá phụ thuộc đầy đủ vào khoá.
Câu 94: Trong quan hệ đạt dạng chuẩn 3NF:	Đáp án đúng: Nếu mọi thuộc tính không khoá đều phụ thuộc đầy đủ vào khoá và không phụ thuộc bắc cầu vào khoá.
Câu 95: Một quan hệ đạt dạng chuẩn 2NF có thể chuyển đổi về các quan hệ đạt 3NF bằng cách:	Đáp án đúng: Loại bỏ các phụ thuộc bắc cầu vào khoá.
Câu 96: Cho lược đồ quan hệ $Q(ABCDEH)$ và phụ thuộc hàm $F = \{A \twoheadrightarrow E, C \twoheadrightarrow D, E \twoheadrightarrow DH\}$. Dạng chuẩn cao nhất của Q là:	Đáp án đúng: Dạng chuẩn 1.
Câu 97: Cho lược đồ quan hệ $Q(ABCDEFGH)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{A \twoheadrightarrow D, AB \twoheadrightarrow DE, CE \twoheadrightarrow G\}$. Lược đồ quan hệ Q có:	Đáp án đúng: 1 khóa
Câu 98: Cho lược đồ quan hệ $R(A, B, C, D)$ và PTH $F = \{AB \twoheadrightarrow C, B \twoheadrightarrow D, BC \twoheadrightarrow A\}$. Tìm khóa của lược đồ trên?	Đáp án đúng: $\{AB\}$ và $\{BC\}$
Câu 99: Cho $Q_1(A, B, C, D)$, và phụ thuộc hàm $F = \{A \twoheadrightarrow B, B \twoheadrightarrow DC\}$. Tìm khóa của Q_1 ?	Đáp án đúng: $\{A\}$
Câu 100: Cho $Q_1(A, B, C, D)$, và phụ thuộc hàm $F = \{A \twoheadrightarrow B, B \twoheadrightarrow DC\}$. Hãy cho biết dạng chuẩn cao nhất của Q_1 ?	Đáp án đúng: Dạng chuẩn 2NF.
Câu 101: Cho lược đồ quan hệ $Q(A, B, C, D)$ và PTH $F = \{AB \twoheadrightarrow C, D \twoheadrightarrow B, C \twoheadrightarrow ABD\}$. Hãy cho biết Q có tất cả là bao nhiêu khóa?	Đáp án đúng: 3 khóa

Câu 102: Cho lược đồ quan hệ $Q(A, B, C, D)$ và PTH $F = \{AB \rightarrow C, D \rightarrow B, C \rightarrow ABD\}$. Hãy cho dạng chuẩn cao nhất của Q ?	Đáp án đúng: Dạng chuẩn 3NF.
Câu 103: Cho $Q(ABCD)$ và tập PTH $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow ABD\}$. Hãy cho biết Q có tất cả bao nhiêu khóa?	Đáp án đúng: 2 khóa
Câu 104: Cho $Q(ABCD)$ và tập PTH $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow ABD\}$. Hãy cho biết dạng chuẩn cao nhất của Q ?	Đáp án đúng: Đạt chuẩn 2NF.
Câu 105: Trong thuật toán tìm khóa của lược đồ quan hệ Q , hãy cho biết phát biểu nào sau đây đúng với khóa?	Đáp án đúng: Khóa là tập các thuộc tính có trong tập nguồn hoặc các thuộc tính nguồn hợp với các thuộc tính trung gian.
Câu 106: Cho lược đồ quan hệ $R(A, B, C)$ và tập PTH $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow A\}$. Khóa của lược đồ R là:	Đáp án đúng: $\{AB\}$ và $\{BC\}$
Câu 107: Một quan hệ đạt dạng chuẩn 1NF có thể chuyển đổi về các quan hệ đạt 2NF bằng cách:	Đáp án đúng: Loại bỏ các phụ thuộc không đầy đủ vào khóa.
Câu 108: Cho lược đồ quan hệ $R(ABCDM)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{CD \rightarrow M, M \rightarrow AC, M \rightarrow B\}$. Khóa của lược đồ R là:	Đáp án đúng: $\{CD\}$ và $\{DM\}$
Câu 109: Cho lược đồ quan hệ $R(A, B, C, D)$ và PTH $F = \{AB \rightarrow C, B \rightarrow D, BC \rightarrow A\}$. Hãy cho biết dạng chuẩn của R ?	Đáp án đúng: Không đạt dạng chuẩn 2.
Câu 110: Cho $Q(ABCD)$ và tập PTH $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow ABD\}$. Tìm tất cả các khóa của Q ?	Đáp án đúng: $\{C\}$ và $\{AB\}$
Câu 111: Trong ngôn ngữ SQL, câu lệnh nào sau đây không làm thay đổi dữ liệu?	Đáp án đúng: Select
Câu 112: Câu lệnh nào sau đây dùng để thêm thuộc tính mới vào cấu trúc bảng?	Đáp án đúng: ALTER TABLE Tên_bảng ADD Tên_cột Kiểu_dữ_liệu
Câu 113: Từ khóa nào sau đây dùng để xóa cơ sở dữ liệu?	Đáp án đúng: DROP DATABASE

Câu 114: Trong câu lệnh SQL, để gom nhóm dữ liệu ta sử dụng mệnh đề nào sau đây?	Đáp án đúng: GROUP BY
Câu 115: Trong CSDL, thao tác nào sau đây không làm thay đổi dữ liệu?	Đáp án đúng: Truy vấn dữ liệu.
Câu 116: Trong SQL, để khai báo chuỗi ký tự có độ dài ô nhớ cố định, số ký tự tối đa là 8000 và không hỗ trợ Unicode, ta chọn kiểu dữ liệu nào sau đây?	Đáp án đúng: char
Câu 117: Cú pháp câu lệnh nào sau đây được sử dụng để sao lưu lại CSDL?	Đáp án đúng: BACKUP DATABASE TO
Câu 118: Ràng buộc được ấn định toàn vẹn miền giá trị bằng cách giới hạn các giá trị có thể đưa vào một thuộc tính. Hãy cho biết loại ràng buộc đó?	Đáp án đúng: CHECK
Câu 119: Trong SQL Server, cơ sở dữ liệu được lưu trữ dưới dạng file. Hãy cho biết file dữ liệu chính có phần mở rộng được định dạng như thế nào sau đây?	Đáp án đúng: “*.mdf”
Câu 120: Trong SQL Server, để tạo cơ sở dữ liệu ta sử dụng câu lệnh có cú pháp nào sau đây?	Đáp án đúng: CREATE DATABASE
Câu 121: Trong SQL server, khi thực thi câu lệnh, nếu xuất hiện thông báo “Invalid object name”. Hãy cho biết thông báo lỗi gì sau đây?	Đáp án đúng: Không tìm thấy tên bảng.
Câu 122: Trong SQL Server, để kiểm tra điều kiện theo mẫu dạng chuỗi tương đương “LIKE”. Hãy cho biết ký hiệu nào sau đây đại diện cho một ký tự bất kỳ trong chuỗi?	Đáp án đúng: “ ” –
Câu 123: Trong SQL Server, để kiểm tra điều kiện theo mẫu dạng chuỗi tương đương “LIKE”. Hãy cho biết ký hiệu nào sau đây đại diện cho một chuỗi ký tự bất kỳ trong chuỗi?	Đáp án đúng: “%”

Câu 124: Cho 2 quan hệ NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, NgSinh, DChi, Phai, Luong, MaNQL, Phg) PHONGBAN(MaPB , TenPB, TrgPB, NgayNC) Viết câu truy vấn ngôn ngữ SQL cho yêu cầu: “Với mỗi phòng ban hãy cho biết thông tin của người trưởng phòng?”.	Đáp án đúng: SELECT * FROM NHANVIEN n, PHONGBAN p WHERE n.MaNV= p.TrgPB
Câu 125: Để tạo cấu trúc bảng bằng ngôn ngữ SQL ta sử dụng lệnh nào sau đây?	Đáp án đúng: Create Table
Câu 126: SQL là tên viết tắt của cụm từ:	Đáp án đúng: Structure Query Language
Câu 127: Để sửa đổi cấu trúc bảng bằng cách thêm ràng buộc toàn vẹn khóa chính ta có cú pháp: ALTER TABLE ADD CONSTRAINT khóa chính Yêu cầu: Từ khóa “khóa chính” được thay thế bởi cụm từ nào sau đây?	Đáp án đúng: PRIMARY KEY Tên_cột
Câu 128: Để sửa đổi cấu trúc bảng bằng cách thêm ràng buộc toàn vẹn khóa ngoại ta có cú pháp: ALTER TABLE ADD CONSTRAINT khóa ngoại REFERENCES Tên_bảng (Tên_cột_khóa_chính) Yêu cầu: Từ khóa “khóa ngoại” được thay thế bởi cụm từ nào sau đây?	Đáp án đúng: FOREIGN KEY Tên_cột
Câu 129: Từ khóa nào sau đây dùng để xóa ràng buộc toàn vẹn?	Đáp án đúng: DROP CONSTRAINT
Câu 130: Hãy cho biết thứ tự trong câu lệnh SELECT như thế nào là đúng với các cách sắp xếp bên dưới?	Đáp án đúng: SELECT, FROM, WHERE, GROUP BY, HAVING, ORDER BY
Câu 131: Trong câu lệnh SQL, để tính điều kiện sau khi gom nhóm dữ liệu ta sử dụng mệnh đề nào sau đây?	Đáp án đúng: HAVING
Câu 132: Trong ngôn ngữ SQL, để tính điều kiện tương tự như phép chọn trong đại số quan hệ ta đặt điều kiện trong mệnh đề nào sau đây?	Đáp án đúng: WHERE
Câu 133: Trong SQL, để khai báo chuỗi ký tự có độ dài ô nhớ cố định, số ký tự tối đa là 8000 và có hỗ trợ Unicode, ta chọn kiểu dữ liệu nào sau đây?	Đáp án đúng: nchar

Câu 134: Trong SQL, để khai báo chuỗi ký tự có độ dài ô nhớ không cố định, số ký tự tối đa là 8000 và có hỗ trợ Unicode, ta chọn kiểu dữ liệu nào sau đây?	Đáp án đúng: nvarchar
Câu 135: Trong SQL, để khai báo chuỗi ký tự có độ dài ô nhớ không cố định, số ký tự tối đa là 8000 và không hỗ trợ Unicode, ta chọn kiểu dữ liệu nào sau đây?	Đáp án đúng: varchar
Câu 136: Cú pháp câu lệnh nào sau đây được sử dụng để phục hồi dữ liệu từ tập tin đã sao lưu?	Đáp án đúng: RESTORE DATABASE FROM DISK = '< đường dẫn và tên tập tin sao lưu >'
Câu 137: Trong MS SQL Server, để ghi một dòng chú thích chúng ta sử dụng ký hiệu nào sau đây trước dòng dữ liệu cần chú thích?	Đáp án đúng: "--"
Câu 138: Ràng buộc được ấn định toàn vẹn thực thể đảm bảo tính duy nhất của dữ liệu và có thể ràng buộc cho nhiều thuộc tính trong một bảng dữ liệu. Hãy cho biết loại ràng buộc đó?	Đáp án đúng: UNIQUE
Câu 139: <...> là ràng buộc ấn định toàn vẹn thực thể cho một hoặc nhiều cột thông qua một chỉ mục duy nhất. Mỗi bảng chỉ có một ràng buộc này và còn gọi là ràng buộc khóa chính. Hãy cho biết <...> là từ khóa nào sau đây?	Đáp án đúng: PRIMARY KEY
Câu 140: Trong MS SQL Server, để ghi một đoạn chú thích chúng ta đặt chú thích trong cặp ký hiệu nào sau đây?	Đáp án đúng: "/* chú thích */"
Câu 141: Trong SQL Server, câu lệnh nào sau đây được sử dụng để kiểm tra ràng buộc toàn vẹn khóa chính của quan hệ?	Đáp án đúng: Sp_pkeys
Câu 142: Trong ngôn ngữ SQL câu lệnh nào sau đây được dùng để thêm ràng buộc toàn vẹn khóa ngoại bên ngoài câu lệnh tạo bảng?	Đáp án đúng: ALTER TABLE Tên_Bảng ADD CONSTRAINT Tên_ràng_buộc_toàn_vẹn FOREIGN KEY (khóa ngoại) REFERENCES Bảng_Tham_Chiếu(khóa chính)

Câu 143: Trong SQL server, khi thực thi câu lệnh, nếu xuất hiện thông báo “Invalid column name”. Hãy cho biết thông báo lỗi gì sau đây?	Đáp án đúng: Tên thuộc tính không tìm thấy trong bảng.
Câu 144: Trong SQL server, khi thực thi câu lệnh, nếu xuất hiện thông báo “Ambiguous column name”. Hãy cho biết thông báo lỗi gì sau đây?	Đáp án đúng: Tên thuộc tính có mặt ở nhiều bảng.
Câu 145: Trong SQL server, khi thực thi câu lệnh, nếu xuất hiện thông báo “Incorrect Syntax near”. Hãy cho biết thông báo lỗi gì sau đây?	Đáp án đúng: Lỗi cú pháp.
Câu 146: Cho lược đồ quan hệ NHANVIEN(MaNV, HoTen, Phai, NgSinh, DiaChi, Phong, Luong). Với yêu cầu: Sửa họ tên của nhân viên có mã số ‘001’ thành ‘Nguyen Thanh’ và ngày sinh mới là 1/1/1978. Hãy chọn câu lệnh update để thực thi yêu cầu trên?	Đáp án đúng: UPDATE NHANVIEN SET HoTen = ‘Nguyen Thanh’,NgSinh= ‘1/1/1978’ WHERE MANV= ‘001’
Câu 147: Cho lược đồ quan hệ NHANVIEN (MaNV , HoNV, tenNV, NgaySinh, DiaChi, Phai, Luong, MaNQL, Phong). Câu lệnh truy vấn SQL nào sau đây được viết cho yêu cầu “Hãy cho biết các phòng ban có lương trung bình lớn hơn 2500000”?	Đáp án đúng: SELECT Phong, AVG(Luong) FROM NHANVIEN GROUP BY Phong HAVING AVG(Luong) > 2500000
Câu 148: Câu lệnh SQL có dạng: <pre>SELECT <Tên các cột> FROM <Tên các bảng> WHERE <điều kiện chứa select con> (SELECT CON)</pre> Điều kiện chứa select con có dạng sau: ALL (). Hãy cho biết điều kiện này đúng khi:	Đáp án đúng: Giá trị của cột so sánh đúng với tất cả các giá trị trả về từ select con.
Câu 149: Cho 3 quan hệ - NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, Phai, Luong, PHG, NGSinh) - PHANCONG (MaNV, MaDA , ThoiGian) - DEAN (MaDA , TenDA, DDIEM_DA, Phong) Viết câu truy vấn ngôn ngữ SQL cho yêu cầu: “Hãy cho biết họ tên của những nhân viên được phân công tham gia để án có tên là ‘Công trình số 1’?”.	Đáp án đúng: SELECT HoTenNV FROM NHANVIEN n, PHANCONG p, DEAN d WHERE n.MaNV = p.MaNV AND p.MaDA = d.MaDA AND TenDA = ‘Công trình số 1’

Câu 150:

Cho 2 quan hệ NHANVIEN (MaNV ,
HoTenNV, NgSinh, DChi, Phai, Luong,
MaNQL, Phg) PHONGBAN(MaPB ,
TenPB, Trg_PB, NgayNC) Viết câu truy
vấn ngôn ngữ SQL cho yêu cầu “Hãy
cho biết tên các phòng ban có số lượng
nhân viên trên 20?”.

Đáp án đúng:

```
SELECT TenPB FROM NHANVIEN  
n, PHONGBAN p WHERE n.Phg =  
p.MaPB GROUP BY TenPB  
HAVING count(MANV) > 20
```